

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN MAI LÂM ÁI

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI
NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT THUỘC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: KẾ TOÁN

Mã số: 60.34.30

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH
DOANH**

Đà Nẵng – Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS. TS. TRƯỜNG BÁ THANH

Phản biện 1: TS. Nguyễn Mạnh Toàn

Phản biện 2: PGS. TS. Lê Huy Trọng

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 12 tháng 8 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại

- Trung tâm Thông tin – Học liệu. Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng. Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Điều kiện kinh doanh ngày nay đã buộc các ngành, doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để tăng sức cạnh tranh, mở rộng và phát triển thị trường. Ngành công nghiệp sản xuất Bia - Rượu - Nước giải khát nói chung và ngành công nghiệp sản xuất Bia nói riêng cũng không nằm ngoài cuộc.

Hiện nay tại Nhà máy Bia Dung Quất thuộc Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi đã và đang thực hiện việc xây dựng định mức, dự toán sản xuất cho nhà máy nhưng việc lập dự toán chi phí còn chung chung chưa linh hoạt, cụ thể, giá thành sản phẩm vẫn tính theo phương pháp truyền thống. Vì vậy hệ thống kế toán chi phí tại nhà máy vẫn chưa hướng vào việc cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá việc lập kế hoạch trong nội bộ nhà máy còn rất hạn chế. Hệ thống kế toán chi phí hiện nay không thể cung cấp các thông tin phù hợp, kịp thời và tin cậy cho việc ra các quyết định kinh doanh của nhà quản trị doanh nghiệp. Với hệ thống kế toán chi phí này nhà máy sẽ khó có thể đứng vững trong môi trường cạnh tranh khu vực.

Điều đó cho thấy Nhà máy Bia Dung Quất cần hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán quản trị chi phí để phục vụ cho việc quản lý các hoạt động kinh doanh của mình. Chính vì vậy tôi chọn đề tài ***“Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy Bia Dung Quất thuộc Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi”*** làm luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

- Trình bày có hệ thống và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận liên quan đến kế toán quản trị chi phí để định hướng cho việc ứng dụng lý thuyết vào việc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy Bia Dung Quất Quảng Ngãi

- Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy Bia Dung Quất Quảng Ngãi.

- Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy Bia Dung Quất Quảng Ngãi theo hướng hệ thống kế toán quản trị chi phí hiện đại để có được những thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong việc ra quyết định.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn tập trung nghiên cứu kế toán quản trị chi phí tại nhà máy bia Dung Quất Quảng Ngãi, mà tập trung chủ yếu vào công tác kế toán chi phí chi phí sản xuất và tính giá thành, lập dự toán chi phí, phân tích chi phí để phục vụ kiểm soát chi phí và ra quyết định kinh doanh

Phạm vi nghiên cứu:

Hiện nay nhà máy ngoài việc tiến hành các hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Bia của mình còn nhận gia công bia cho các đơn vị khác. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí ở những chi phí phát sinh để sản xuất bia cho nhà máy bia Dung Quất không hoàn thiện chi phí phát sinh trong quá trình gia công.

4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, Phương pháp so sánh, thay thế liên hoàn, Phương pháp phỏng vấn.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Về mặt lý luận: Luận văn góp phần hệ thống hoá và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán quản trị chi phí trong các DNSX

- Về mặt thực tiễn: Luận văn góp phần đánh giá, phân tích thực trạng, những nguyên nhân tồn tại trong việc tổ chức kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy bia Dung Quất. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện

công tác kế toán quản trị chi phí nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí tại Nhà máy bia Dung Quất Quảng Ngãi.

6. Cấu trúc của luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán quản trị chi phí

Chương 2: Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy Bia Dung Quất thuộc Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy Bia Dung Quất thuộc Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. BẢN CHẤT, NHIỆM VỤ, VAI TRÒ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DN

1.1.1. Bản chất của kế toán quản trị chi phí

Kế toán quản trị chi phí là một bộ phận của hệ thống kế toán quản trị nhằm cung cấp thông tin về chi phí để mỗi tổ chức thực hiện chức năng quản trị yếu tố nguồn lực, tiêu dùng cho các hoạt động, nhằm xây dựng kế hoạch, kiểm soát, đánh giá hoạt động và ra các quyết định hợp lý.

Thông tin kế toán quản trị chi phí vừa mang tính linh hoạt, thường xuyên và hữu ích, không bắt buộc phải tuân theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Thông tin kế toán quản trị chi phí cung cấp bao gồm cả những thông tin quá khứ và những thông tin dự báo thông qua việc lập các kế hoạch và dự toán chi phí trên cơ sở các định mức chi phí (bao gồm cả các định mức về số lượng và định mức về đơn giá) nhằm kiểm soát chi phí thực tế, đồng thời làm căn cứ cho việc lựa chọn các quyết định về giá bán sản phẩm, quyết định ký kết các hợp đồng, quyết định tiếp tục sản xuất hay thuê ngoài gia công,...

Như vậy, kế toán quản trị chi phí nhấn mạnh đến tính dự báo của thông tin và trách nhiệm của các nhà quản lý thuộc các cấp quản lý.

1.1.2. Nhiệm vụ kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp

- Kiểm tra, giám sát các định mức tiêu chuẩn, dự toán
- Cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị nội bộ của đơn vị bằng báo cáo kế toán quản trị chi phí
- Tổ chức phân tích thông tin phục vụ cho yêu cầu lập kế hoạch và ra quyết định của ban lãnh đạo doanh nghiệp
- Tính toán và đưa ra mô hình về nhu cầu vốn cho một hoạt động hay một quyết định cụ thể
- Tìm ra những giải pháp tác động lên các chi phí để tối ưu hóa mối quan hệ chi phí – sản lượng – lợi nhuận.

1.1.3. Vai trò kế toán quản trị chi phí

- Là nguồn chủ yếu để cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản lý ra quyết định ở các khâu: *xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá, ra quyết định*
- Tư vấn cho nhà quản lý
- Giúp nhà quản lý kiểm soát, giám sát, điều hành các hoạt động kinh tế tài chính...

1.2. NHẬN DIỆN VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.2.1. Khái niệm

Chi phí được định nghĩa là giá trị tiền tệ của các khoản hao phí bỏ ra nhằm tạo ra các loại tài sản, hàng hoá hoặc các dịch vụ

1.2.2. Phân loại chi phí trong doanh nghiệp sản xuất

a. Phân loại theo chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo chức năng hoạt động, chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm: chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

* Chi phí sản xuất gồm: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, Chi phí nhân công trực tiếp, Chi phí sản xuất chung

* Chi phí ngoài sản xuất gồm: Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp

b. Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí: gồm Biến phí, Định phí, Chi phí hỗn hợp: Gồm cả biến phí lẫn định phí.

c. Các cách phân loại chi phí nhằm mục đích ra quyết định: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp, Chi phí kiểm soát được, Chi phí không kiểm soát được, Chi phí chênh lệch, Chi phí cơ hội, Chi phí chìm.

1.3. NỘI DUNG CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.3.1. Lập dự toán chi phí

- Dự toán chi phí NVLTT: Là việc dự kiến số lượng và giá trị nguyên liệu vật liệu sử dụng trong kỳ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Dự toán chi phí NCTT: Được xây dựng từ dự toán sản xuất, là việc dự kiến tổng số lượng thời gian cần thiết để hoàn thành khối lượng sản phẩm sản xuất và đơn giá thời gian lao động trực tiếp.

- Dự toán chi phí sản xuất chung là dự kiến các chi phí quản lý và phục vụ sản xuất phát sinh trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp.

- Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là dự kiến các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ; chi phí có tính chất chung cho toàn doanh nghiệp.

- Dự toán chi phí tài chính: Thường cố định, nó chỉ biến động hàng năm theo mức vay vốn của DN.

1.3.2. Tính giá thành trong doanh nghiệp

1.3.2.1. Tính giá thành theo phương pháp toàn bộ

Phương pháp tính giá toàn bộ là phương pháp mà tất cả các chi phí tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi

phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) đều được tính vào giá thành sản phẩm sản xuất hoàn thành.

1.3.2.2. Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp

Theo phương pháp chi phí trực tiếp, giá thành sản phẩm sản xuất chỉ bao gồm các chi phí sản xuất biến đổi, còn các chi phí sản xuất cố định không được tính và giá thành sản phẩm hoàn thành .

1.3.3. Tổ chức phân tích thông tin chi phí

1.3.3.1. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – sản lượng – lợi nhuận

1.3.3.2. Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn

1.3.4. Kiểm soát chi phí

1.3.4.1. Kiểm soát chi phí sản xuất

a. Kiểm soát chi phí NVLTT: Biến động giá, Biến động lượng.

b. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp: Nhân tố giá, Nhân tố lượng

c. Kiểm soát chi phí sản xuất chung: Kiểm soát biến động biến phí sản xuất chung, Kiểm soát định phí sản xuất chung

1.3.4.2. Kiểm soát các chi phí ngoài sản xuất

Đối với biến phí bán hàng và biến phí quản lý doanh nghiệp: Kiểm soát loại chi phí này cần tiến hành theo từng khoản mục chi phí cụ thể, theo từng nơi phát sinh chi phí.

Đối với định phí bán hàng, định phí quản lý doanh nghiệp: Kỹ thuật phân tích định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng tương tự như kỹ thuật áp dụng đối với định phí sản xuất chung.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1 luận văn đã trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về KTQT. Luận văn cũng đã hệ thống hoá những nội dung cơ bản của KTQT chi phí trong các doanh nghiệp như khái niệm, phân loại chi phí; phương pháp xác định giá thành; lập dự toán chi phí; phân tích thông tin phục vụ cho việc ra quyết định; kiểm soát chi phí... Đây là những tiền đề lý

luyện đặt cơ sở cho việc đánh giá thực trạng và hoàn thiện KTQT chi phí tại Nhà máy bia Dung Quất thuộc Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

2.1. GIỚI THIỆU VỀ NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Nhà máy bia Dung Quất thuộc Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi

Nhà máy Bia được Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh cho phép xây dựng theo quyết định số 433/QĐ-UB ngày 13/04/1991.

Ngày 08 tháng 06 năm 1993, Nhà máy Bia chính thức đi vào hoạt động

Ngày 22 tháng 06 năm 2001, Nhà máy Bia Quảng Ngãi đổi tên thành thành Nhà máy Bia Dung Quất

Nhà máy không ngừng phát huy tăng trưởng và đầu tư mở rộng, sản phẩm hiện nay không những lan rộng khắp thị trường trong nước mà còn xuất khẩu ra thị trường nước ngoài (Thái Lan, Lào). Đây là tiền đề thuận lợi để Nhà máy Bia Dung Quất vươn lên mở rộng hơn nữa hoạt động kinh doanh của mình trong thời gian đến.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý tại Nhà máy bia Dung Quất thuộc Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi

2.1.2.1. Đặc điểm sản phẩm

Bia là nước giải khát có cồn, Màu vàng rom đặc trưng của bia, mùi thơm dịu, đặc trưng tự nhiên của bia, đắng dịu, hài hoà dễ chịu, đậm đà có hậu vị, không có vị lạ được nhiều người ưa chuộng và lựa chọn sử dụng.

Nguyên liệu để làm ra bia bao gồm rất nhiều loại như Malt, Houblon và nước sạch..., các loại nguyên liệu này chủ yếu được nhập từ nước ngoài như malt được nhập khẩu từ Châu Âu, Houblon là một loại hương đặc trưng của

bia được chiết từ các loại hoa bia của Đức vì vậy ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của nhà máy sản xuất.

Hiện nay tại nhà máy sản xuất và tiêu thụ 19 loại sản phẩm. Ngoài ra nhà máy còn nhận gia công cho nhà máy bia khác

2.1.2.2. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất

Quy trình công nghệ sản xuất Bia ở Nhà máy bia Dung Quất được xây dựng theo quy trình công nghệ khép kín, từ khâu đưa nguyên liệu vào đến khâu chiết bia vào chai, lon. Quy trình công nghệ sản xuất được chia ra làm 3 giai đoạn: Giai đoạn nấu, giai đoạn lên men, giai đoạn lọc và chiết bia.

2.1.2.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

Do đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm nên nhà máy tổ chức sản xuất theo các phân xưởng, tổ, đội. Mỗi phân xưởng, tổ đảm nhiệm một khâu công việc của giai đoạn công nghệ. Nhà máy tổ chức thành các phân xưởng chủ yếu như:

- Phân xưởng sản xuất: gồm tổ nấu, tổ lên men, tổ chiết, tổ thành phẩm.
- Phân xưởng cơ điện: tổ sửa chữa, tổ vận hành, tổ lò hơi.

2.1.2.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Nhà máy bia Dung Quất Quảng Ngãi

Nhà máy tổ chức bộ máy theo mô hình trực tuyến chức năng.

2.1.2.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Nhà máy bia Dung Quất Quảng Ngãi

Hiện nay nhà máy áp dụng bộ máy kế toán theo mô hình kế toán tập trung, tổ chức hạch toán độc lập.

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT QUẢNG NGÃI

2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Bia Dung Quất Quảng Ngãi

2.2.1.1. Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế

Theo cách phân loại này chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

- + Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực
- + Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương
- + Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao dây chuyền công nghệ sản xuất bia lon và bia chai.
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm chi phí tiền điện, nước,...
- + Chi phí bằng tiền khác: Bao gồm các khoản chi phí bằng tiền phục vụ cho bộ phận sản xuất ngoài các khoản chi phí đã nêu ở trên, như chi phí hội họp, tiếp khách, chi phí bảo trì, sửa chữa...

2.2.1.2. Phân loại chi phí theo khoản mục giá thành

Theo cách phân loại này chi phí được phân thành: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Chi phí nhân công trực tiếp, Chi phí sản xuất chung:

Ngoài ra đơn vị theo dõi chi tiết chi phí ngoài sản xuất: Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.2. Công tác lập kế hoạch và dự toán chi phí tại Nhà máy bia Dung Quất Quảng Ngãi

Dự toán sản lượng sản xuất

Dựa vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của năm trước. Dựa vào thông tin về tiêu thụ sản phẩm và hướng tiêu thụ trong tương lai của phòng thị trường. Bằng phương pháp phân tích thống kê và kinh nghiệm, Phòng kế hoạch tổng hợp tiến hành phân tích các yếu tố về môi trường kinh doanh, các nguồn lực của nhà máy để lập dự toán sản lượng sản xuất của năm.

a. Định mức, dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu được xác định căn cứ trên giá mua và định mức tiêu hao khi sản xuất ra một lít bia. Định mức tiêu hao do phòng kỹ thuật sản xuất cung cấp, Giá mua do phòng kế hoạch cung cấp

Dự toán chi phí NVLTT: Trên cơ sở số lượng vật liệu cần tiêu hao và đơn giá vật liệu dự tính năm tới, phòng Kế toán lập dự toán chi phí NVLTT cho sản xuất năm 2010.

b. Định mức, dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán chi phí nhân công bao gồm tiền lương cơ bản, lương theo sản phẩm và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

+ Dự toán tiền lương: Tiền lương CNTT tại nhà máy gồm 2 phần:

- Lương cơ bản: Tính theo hệ số cơ bản và lương tối thiểu nhà nước quy định.

- Lương theo sản phẩm: Được tính trên cơ sở 1% trên doanh thu kế hoạch, sau đó chia cho sản lượng sản xuất kế hoạch để tính đơn giá lương theo sản phẩm.

+ Dự toán chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN: Tính 22% tiền lương cơ bản làm dự toán chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

c. Dự toán, định mức chi phí sản xuất chung

Dự toán chi phí SXC ở nhà máy dựa vào chi phí thực tế ước tính của kỳ trước và nhu cầu công việc kỳ thực tế.

+ Đối với chi phí nhân viên phân xưởng được xác định tương tự như chi phí nhân công trực tiếp nhưng tỷ lệ để tính lương sản phẩm là 0,1% trên doanh thu kế hoạch

+ Đối với những chi phí liên quan đến hoạt động chung được định mức theo quy chế ban hành của nhà máy

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: Nhà máy tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng

+ Các chi phí còn lại phát sinh tại phân xưởng đều dựa vào số liệu của năm trước và dự kiến biến động tăng giảm chi phí của năm kế hoạch

d. Dự toán, định mức chi phí bán hàng và chi phí quản lý nhà máy

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý nhà máy: được xác định chi phí dự toán cho cả năm trên cơ sở chi phí của những năm trước và theo quy định của tổng công ty. Sau đó tiến hành phân bổ cho một đơn vị sản phẩm theo sản lượng dự kiến.

Chi phí quản lý nhà máy được xây dựng dựa trên số liệu những kỳ trước nhưng không vượt quá 1% tổng chi phí sản xuất của nhà máy

Chi phí quảng cáo tổng công ty thường đưa mức giới hạn là 5 tỷ mỗi đơn vị thành viên lập dự toán và tùy tình hình thực tế có thể tăng giảm chi phí phù hợp trong đó giới hạn bia khuyến mãi là 30% giá trị sản xuất.

2.2.3. Kế toán chi tiết chi phí tại Nhà máy bia Dung Quất

2.2.3.1. Kế toán chi phí sản xuất

a. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Kế toán nhà máy căn cứ vào chứng từ phát sinh để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào tài khoản 621. Căn cứ vào phiếu xuất kho, phiếu lĩnh vật tư bộ phận kế toán vật tư xác định giá trị vật tư xuất kho, số thực xuất để ghi vào sổ chi tiết vật tư. Sau đó tiến hành lập bảng kê xuất nguyên vật liệu. Bộ phận kế toán tổng hợp căn cứ vào thông tin của bảng kê xuất nguyên vật liệu để phản ánh vào sổ kế toán chi tiết NVLTT

b. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp và trích theo lương. Kế toán sử dụng tài khoản 622. Căn cứ vào các chứng từ: bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán tiền thưởng... bộ phận tổ chức lao động tiền lương lập bảng thanh toán tiền lương cho từng bộ phận, và tổng hợp lương của công nhân sản xuất toàn nhà máy; lập bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Phụ lục 8). Căn cứ vào bảng phân

bổ tiền lương và các khoản trích kế toán tổng hợp phản ánh vào sổ kế toán chi tiết tài khoản chi phí nhân công trực tiếp.

c. Kế toán chi phí sản xuất chung

Để hạch toán chi phí sản xuất chung kế toán nhà máy sử dụng tài khoản 627. Dựa vào chứng từ gốc như phiếu chi, bảng kê xuất nguyên vật liệu, bảng phân bổ tiền lương, bảng tính khấu hao TSCĐ... cho phân xưởng sản xuất. Kế toán tổng hợp căn cứ vào chứng từ trên phản ánh vào sổ kế toán chi tiết chi phí sản xuất chung (Phụ lục 9)

2.2.3.2. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

- Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí sau: Chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm. Tại nhà máy sử dụng tài khoản 641 để theo dõi chi phí bán hàng. Kế toán căn cứ vào chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng để ghi sổ chi tiết chi phí bán hàng. Cuối tháng kế toán tiêu thụ lập nên bảng tổng hợp chi phí bán hàng.

- Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Tại nhà máy sử dụng tài khoản 642 để theo dõi chi phí quản lý. Kế toán chi tiết căn cứ vào chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp để ghi sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp. Cuối tháng kế toán tổng hợp lập nên bảng tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4. Xác định giá thành sản xuất sản phẩm

Tại nhà máy xác định giá thành sản phẩm theo phương pháp giá thành toàn bộ

* Giá thành công xưởng bao gồm các khoản mục sau: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Chi phí nhân công trực tiếp, Chi phí sản xuất chung

* Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ gồm giá thành công xưởng của sản phẩm đã tiêu thụ cộng với chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN

2.2.5. Công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại nhà máy bia dung quát

2.2.5.1. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

Kiểm soát quá trình mua hàng - nhập kho NVL tại nhà máy.

Phòng kế hoạch tổng hợp có quyền lựa chọn nhà cung cấp, lập đơn đặt hàng và viết giấy đề nghị tạm ứng mua nguyên vật liệu vì vậy có thể xảy ra sai phạm

Để kiểm soát nguyên vật liệu mua vào phòng kế hoạch tổng hợp lập bảng kê nguyên vật liệu mua vào nhằm kiểm soát số lượng, giá trị nguyên vật liệu mua vào trong kỳ.

Kiểm soát quá trình xuất kho, sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu có nhiều lúc xuất kho trước khi có sự xét duyệt của Giám đốc hoặc uỷ quyền của Giám đốc.

Nhà máy tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ nên đối với các nghiệp vụ xuất kho vật tư ta chỉ theo dõi được về mặt số lượng chứ không theo dõi được về mặt giá trị.

Để kiểm soát chi phí nguyên vật liệu nhà máy có lập các báo cáo sau: báo cáo chi tiết nguyên vật liệu trực tiếp, báo cáo nhập – xuất – tồn, bảng báo cáo tình hình vật liệu sử dụng, báo cáo thống kê kết quả sản xuất chưa đi vào đánh giá, so sánh, phân tích tìm nguyên nhân để có các biện pháp quản lý thích hợp.

2.2.5.2. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Một số lao động được tuyển vào nhà máy dựa trên các mối quan hệ cá nhân không qua kiểm tra trình độ chuyên môn trước khi tiếp nhận.

Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp tại nhà máy chủ yếu lập các báo cáo được thể hiện qua bảng

BẢNG 2.9. BẢNG TỔNG HỢP BÁO CÁO KIỂM SOÁT CP NCTT

T T	LOẠI BÁO CÁO	BỘ PHẬN LẬP	NỘI DUNG KIỂM SOÁT
1	Bảng chấm	Tổ, Phân xưởng,	Kiểm soát ngày công lao động

	công	Phòng ban	trong tháng.
2	Bảng theo dõi lao động	Tổ, Phân xưởng,	Kiểm soát thời gian lao động và năng suất lao động theo công việc
3	Báo cáo kết quả sản xuất	Tổ, Phân xưởng	Kiểm soát năng xuất lao động của từng tổ, bộ phận sản xuất
4	Bảng thanh toán lương	Phòng tổ chức	Kiểm soát chi phí tiền lương ở từng bộ phận

2.2.5.3. Kiểm soát chi phí sản xuất chung

Nhà máy chưa xây dựng được các thủ tục kiểm soát chi phí SXC.

Nhà máy không phân chi phí SXC thành biến phí và định phí.

Nhà máy chưa đi vào đánh giá, so sánh, phân tích chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh với dự toán

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT

2.3.1. Về phân loại chi phí

Hiện nay nhà máy chưa phân loại chi phí thành các biến phí và định phí, chưa phân loại chi phí thành chi phí trực tiếp, gián tiếp.

2.3.2. Về xác định giá thành sản xuất sản phẩm

Nhà máy chưa quan tâm đến các loại giá thành phục vụ cho việc ra quyết định quản trị như: giá thành trực tiếp nên công tác kế toán quản trị chưa khai thác được tài liệu để phục vụ cho việc phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng – lợi nhuận nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra quyết định trong các tình huống khác nhau

2.3.3. Về tổ chức bộ máy kế toán

Nhà máy chưa thiết lập mối quan hệ giữa các bộ phận, phòng ban một cách chặt chẽ, hiệu quả trong việc cung cấp và sử dụng thông tin như mối liên hệ giữa bộ phận nguyên liệu, đầu tư, bộ phận kế hoạch, kinh doanh, kế

toán, phân xưởng sản xuất... do đó nhà máy thường thiếu thông tin thích hợp cho việc ra quyết định.

2.3.4. Về công tác lập kế hoạch, dự toán và phân tích chi phí

Nhà máy chưa lập dự toán linh hoạt để cung cấp thông tin cho nhà quản trị kịp thời nhằm đưa ra các quyết định nhanh chóng, kịp thời trong những tình huống khác nhau của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.3.5. Về công tác kiểm soát chi phí

Việc kiểm soát chi phí chủ yếu lập nên các báo cáo nội bộ. Kiểm soát chi phí của nhà máy chỉ dừng lại ở việc phản ánh chi phí này vào sổ sách liên quan và lập các báo cáo mà chưa đi đến giai đoạn tiếp theo của quá trình kiểm soát là so sánh, phân tích với dự toán được lập, tìm nguyên nhân chênh lệch biến động chi phí để từ đó có phương án hành động cụ thể.

2.3.6. Về việc sử dụng thông tin KTQT chi phí cho việc ra quyết định

Các thông tin về chi phí ở nhà máy đa phần là thông tin thực hiện; phục vụ cho công tác hạch toán và làm căn cứ để lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh định kỳ. Việc sử dụng thông tin chi phí để đưa ra các quyết định linh hoạt, xác định mức sản lượng hòa vốn, doanh thu hòa vốn... ở nhà máy vẫn chưa được đề cập.

2.4. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ TRONG VIỆC THỰC HIỆN KTQT CHI PHÍ TẠI NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT

2.4.1. Nguyên nhân chủ quan

- Do nhận thức của nhà máy về vai trò KTQT chưa đầy đủ.
- Các nhà quản trị và nhân viên trong nhà máy chưa phân định rõ được ranh giới giữa KTTC và KTQT cũng như chưa xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin, ... nên chưa tổ chức thực hiện vận dụng KTQT một cách hiệu quả.

2.4.2. Nguyên nhân khách quan

- Cán bộ quản lý chưa được tiếp cận, đào tạo, phổ biến kiến thức về KTQT một cách đầy đủ. Điều này cũng ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức về KTQT ở nhà máy.
- Mặt khác KTQT chi phí cũng có nhiều quan điểm, định hướng khác nhau.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 của luận văn đã phản ánh khái quát đặc điểm, mô hình tổ chức sản xuất, quản lý của nhà máy bia Dung Quất và tập trung phản ánh thực trạng KTQT chi phí ở nhà máy trên các khía cạnh: nhận diện và phân loại chi phí; công tác lập kế hoạch, dự toán chi phí, tính giá thành; kiểm soát chi phí... điều này làm cơ sở đưa ra giải pháp để hoàn thiện KTQT chi phí tại nhà máy.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

3.1. SỰ CẦN THIẾT, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT

3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy bia Dung Quất Quảng Ngãi

Hiện nhà máy bia Dung Quất đang trong giai đoạn cạnh tranh mạnh mẽ với các sản phẩm bia có thương hiệu lớn hơn như bia Sài Gòn, Heniken... để đứng vững và phát triển hơn nữa thì nhà máy cần nhanh chóng thực hiện củng cố, tổ chức lại sản xuất, quản lý cho phù hợp hơn với yêu cầu của tình hình thực tế. Việc hoàn thiện, củng cố hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà máy bia Dung Quất bao gồm nhiều nội dung khác nhau. Một trong những nội dung đó là hoàn thiện, vận dụng kế toán quản trị nói chung, kế toán quản trị chi phí nói riêng vào công tác kế toán tại nhà máy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh

của nhà máy, củng cố nâng cao khả năng cạnh tranh của nhà máy trong điều kiện hội nhập.

3.1.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy bia Dung Quất Quảng Ngãi.

- Phù hợp với các nội dung quy định trong luật kế toán và các văn bản pháp quy khác về quản lý kinh tế
- Phù hợp với quy mô, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của nhà máy
- Đáp ứng mục tiêu hiệu quả và tiết kiệm
- Đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng của các nhà quản trị và mục tiêu kiểm soát chi phí của nhà máy
- Phù hợp với yêu cầu, trình độ quản lý của nhà máy

3.1.3. Nguyên tắc hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy bia Dung Quất Quảng Ngãi.

Khi hoàn thiện công tác quản trị chi phí cần đảm bảo những nguyên tắc sau: *Khoa học, hợp lý, Phù hợp, thích ứng, Thiết thực, hiệu quả*

3.2. HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI NHÀ MÁY BIA DUNG QUẤT QUẢNG NGÃI

3.2.1. Hoàn thiện công tác phân loại chi phí phục vụ cho yêu cầu quản trị

3.2.1.1. Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí

BẢNG 3.1. BẢNG PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO CÁCH ỨNG XỬ CHI PHÍ

T T	NỘI DUNG CHI PHÍ	BIẾN PHÍ	ĐỊNH PHÍ	CP HỖN HỢP
I	Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ			
	- Chi phí NVL chính	X		

	- Chi phí NVL phụ	X		
	- Nhiên liệu	X		
	- Bao bì	X		
	- Công cụ dụng cụ	X		
II	Chi phí tiền lương và các khoản khác			
	- Tiền lương	X		
	- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	X		
III	Chi phí khấu hao TSCĐ		X	
IV	Chi phí dịch vụ mua ngoài			
	- Tiền điện			X
	- Tiền nước			X
	- Tiền điện thoại		X	
	- Chi phí sửa chữa bảo dưỡng		X	
	- Chi phí khác			X
V	Chi bằng tiền			
	- Bảo hộ lao động		X	
	- Quảng cáo, khuyến mại		X	
	- Chi phí khác bằng tiền			X
VI	Giảm phí			X

3.2.1.2. Phân loại chi phí nhằm mục đích ra quyết định.

* **Chi phí trực tiếp:** Gồm CPNVLTT và CPNCTT

* **Chi phí gián tiếp:** Chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Phân loại chi phí này giúp nhà quản lý có thể điều chỉnh chi phí phù hợp nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất.

3.2.2. Hoàn thiện việc xác định giá thành sản xuất

BẢNG 3.8. BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH THEO PP TRỰC TIẾP

TT	CHỈ TIÊU	Biến phí trực tiếp	Biến phí sản xuất chung	Giá thành theo biến phí
1	Bia LM lon	5.181,21	716,70	5.897,91
2	Bia DQ lon 330ml	5.181,21	190,83	5.372,03
3	Bia hoi cao cap	4.621,64	284,43	4.906,07
4	DQ beer chai 330ml	4.621,64	249,37	4.871,01
5	Bia Helo 330ml	5.181,21	224,27	5.405,48
6	DQ chai 355ml	4.621,64	120,71	4.742,35
7	Bia Grandchai 330ml	4.621,64	205,09	4.826,73

Việc tính giá thành theo phương pháp trực tiếp giúp nhà máy thuận lợi trong việc lập dự toán chi phí linh hoạt để nhà quản trị của nhà máy đưa ra quyết định kinh doanh ngắn hạn

3.2.3. Hoàn thiện công tác lập dự toán chi phí

Việc lập dự toán chi phí linh hoạt tại nhà máy được thực hiện như sau

- Đối với biến phí vật liệu: dựa trên định mức và đơn giá dự kiến.
- Đối với biến phí nhân công: dựa đơn giá lương kế hoạch do bộ phận tổ chức hành chính xây dựng theo kế hoạch hàng năm.
- Đối với biến phí dịch vụ mua ngoài điện, nước. Căn cứ vào số liệu thống kê năm trước và kết quả tách chi phí hỗn hợp theo phương pháp hồi quy trình EXCEL.

- Đối với chi phí cố định gồm hai bộ phận

+ Một bộ phận nằm trong chi phí hỗn hợp được tách theo phương pháp hồi quy như chi phí điện, nước... xác định được phần định phí nằm trong tổng chi phí của các kỳ trước làm căn cứ xác định cho kỳ kế hoạch

+ Một phần định phí cố định độc lập căn cứ vào tổng dự toán năm để xác định. Trên cơ sở dự toán cho cả năm xác định được dự toán ước tính cho một kỳ kinh doanh.

Trên cơ sở phân loại chi phí theo cách ứng xử của số liệu kế hoạch, tác giả lập dự toán chi phí sản xuất linh hoạt ở mức sản lượng giao động tăng giảm 5% so với sản lượng kế hoạch

3.2.4. Phân tích chi phí phục vụ quá trình ra quyết định

3.2.4.1. Phân tích mối quan hệ chi phí – sản lượng - lợi nhuận

Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – sản lượng - lợi nhuận là một trong những mối quan hệ kinh tế mà nhà quản lý thường xem xét để đưa ra quyết định kinh doanh ngắn hạn. Cụ thể tại nhà máy có phương án kinh doanh sau

Phòng kinh doanh cho biết có đại lý của nhà máy sẽ tiêu thụ thêm cho nhà máy 380 két/ tháng tương ứng với 3.009,6 lít bia Grand với điều kiện sau: Giảm giá bán xuống 10%, chi phí vận chuyển theo yêu cầu: 1.500.000.

Mục tiêu của nhà máy khi bán thêm được 3.009,6 lít bia thu được lợi nhuận 9.316.790 đồng

Tác giả phân tích phương án trên xem nhà máy có nên ký hợp đồng với những điều kiện nêu trên hay không?

3.2.4.2. Ứng dụng phân tích thông tin chi phí đưa ra quyết định ngắn hạn

Từ bảng báo cáo thu nhập hoạt động kinh doanh ở mục 3.2.4.1 ta thấy sản phẩm bia Dung Quất chai 330 ml kinh doanh bị lỗ. Nhà máy có nên ngừng sản xuất kinh doanh loại bia này hay không?

Qua tình hình phát sinh chi phí thực tế tại nhà máy và do tính chất chi phí. Những chi phí phát sinh tác giả phân tích và đưa ra kết luận nên tiếp tục hay ngừng sản xuất đối với loại bia này.

3.2.5. Hoàn thiện công tác lập báo cáo KTQT

Luận văn đưa ra một số báo cáo nội bộ về chi phí của một số sản phẩm trên cơ sở phân loại chi phí trực tiếp, gián tiếp và theo cách ứng xử chi phí nhằm mục đích kiểm soát chi phí liên quan từng loại sản phẩm một cách rõ ràng. Cụ thể có thể lập các báo cáo sau: báo cáo chi phí sản xuất, báo cáo doanh thu – chi phí, báo cáo chi phí kinh doanh.

3.2.6. Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất

3.2.6.1. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát mua - nhập kho nguyên vật liệu

Giám đốc hoặc Phó giám đốc lựa chọn nhà cung cấp dựa trên các tiêu chí do nhà máy xây dựng.

Nhân viên mua hàng định kỳ thay đổi để tránh tình trạng một người có quan hệ với một số nhà cung cấp nhất định trong một thời gian dài.

Hoàn thiện các thủ tục xuất kho sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu

Kiểm soát tồn kho nguyên vật liệu ở mức tối thiểu để đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, không bị gián đoạn.

Nhà máy cần xây dựng các báo cáo phân tích chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nhằm xác định mức biến động về lượng hay đơn giá nguyên vật liệu từ đó xác định nguyên nhân và có biện pháp kiểm soát kịp thời.

3.2.6.2. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Nhà máy phải thường xuyên theo dõi về khối lượng thực hiện, chất lượng và tay nghề của công nhân nhằm đảm bảo chất lượng của sản phẩm,

kế hoạch sản xuất và tránh được sự lãng phí về nguyên vật liệu do trình độ tay nghề của công nhân thấp.

Các tổ trưởng thuộc phân xưởng, tổ phải kiểm soát được chất lượng công việc, bố trí công việc phù hợp với khả năng của từng công nhân trong tổ.

Nhà máy cần thiết lập các báo cáo phân tích chi phí nhân công trực tiếp để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tìm ra các nguyên nhân gây nên sự biến động chi phí nhân công trực tiếp để từ đó có các biện pháp kiểm soát thích hợp.

3.2.6.3. Kiểm soát chi phí sản xuất chung

Tiến hành phân tích chi phí sản xuất chung theo tổng số chi phí và theo từng yếu tố để đánh giá sự thay đổi tỷ trọng của từng khoản chi giữa thực tế so với dự toán. Nhà máy cần phải xác định đâu là định phí đâu là biến phí để có biện pháp quản lý thích hợp.

Nhà máy cần xây dựng các báo cáo phân tích sự biến động của biến phí sản xuất chung và định phí sản xuất chung để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng dẫn đến sự biến động của khoản mục chi phí này, từ đó đưa ra các biện pháp kiểm soát thích hợp.

3.2.7. Hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy kế toán đảm bảo thực hiện KTQT

3.2.7.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán

Nhà máy có thể lựa chọn, xây dựng mô hình KTQT theo một trong hai mô hình: Mô hình kết hợp và mô hình tách rời giữa KTTC và KTQT. Để phù hợp với trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện nay ở nhà máy, tránh sự xáo trộn trong công việc tổ chức bộ máy kế toán, nhà máy nên tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình kết hợp giữa KTTC và KTQT.

3.2.7.2. Hoàn thiện tổ chức cung cấp thông tin giữa kế toán quản trị với các bộ phận liên quan

- *Mối liên hệ cung cấp thông tin giữa KTQT và KTTC*

Bộ phận dự toán của KTQT được kế toán tổng hợp của KTTC cung cấp các báo cáo thực hiện và các thông tin khác do bộ phận dự toán yêu cầu để lập các dự toán cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

Bộ phận phân tích, đánh giá được kế toán tổng hợp cung cấp các báo cáo thực hiện, đồng thời bộ phận dự toán cung cấp các báo cáo dự toán để bộ phận phân tích có căn cứ đánh giá tình hình biến động thực hiện so với dự toán, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bộ phận nghiên cứu dự án: nhận xét kết quả phân tích từ bộ phận phân tích đánh giá, xây dựng và hoàn thiện các định mức chi phí và tiêu chuẩn phân bổ chi phí; cung cấp các định mức và tiêu thức phân bổ cho bộ phận dự toán; nghiên cứu các dự án, phương án kinh doanh để tư vấn cho nhà quản lý.

- Môi liên hệ cung cấp thông tin giữa KTQT với các phòng ban khác

Quan hệ với bộ phận kế hoạch tổng hợp và kỹ thuật sản xuất để thu thập thông tin về định mức, kế hoạch sản xuất phục vụ cho việc lập các dự toán chi phí, kế hoạch giá thành.

Quan hệ với các bộ phận tổ chức lao động – tiền lương để thu thập thông tin về định mức lao động, đơn giá tiền lương, số lượng và cơ cấu lao động để phục vụ cho việc lập dự toán chi phí lao động; phân tích tình hình sử dụng lao động.

Quan hệ với bộ phận kế hoạch để thu thập thông tin về số lượng và giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ cho việc lập dự toán và báo cáo có liên quan.

Quan hệ với bộ phận thị trường nhằm thu thập thông tin về tình hình thị trường phục vụ cho việc định giá bán sản phẩm, dự kiến lượng sản phẩm tiêu thụ, lập dự toán doanh thu bán hàng và báo cáo thu nhập.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 tập trung hoàn thiện các nội dung KTQT chi phí tại nhà máy: Phân loại chi phí phục vụ yêu cầu của KTQT; thu thập thông tin phục vụ

cho yêu cầu quản trị; dự toán chi phí linh hoạt nhằm mục đích tăng cường kiểm soát chi phí nội bộ; phân tích CVP để ra quyết định kinh doanh; kiểm soát chi phí thông qua phân tích các nhân tố lượng và giá để chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng, nâng cao tính hữu ích của thông tin kế toán phục vụ hoạt động quản trị và lập các báo cáo quản trị. Ngoài ra khi hoàn thiện tổ chức KTQT chi phí tại nhà máy, luận văn cũng đưa ra mô hình tổ chức KTQT tại nhà máy theo hướng chuyên môn hoá công tác KTQT và khai thác tối đa nguồn tài liệu cung cấp của KTTC trong cùng một bộ máy kế toán, chú ý đến công tác xây dựng mối liên hệ thông tin giữa các bộ phận cung cấp cho KTQT, thông tin đã qua xử lý của KTQT cung cấp cho các bộ phận chức năng phục vụ cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị trong nhà máy.

KẾT LUẬN

Kế toán quản trị chi phí là vấn đề phức tạp nhưng lại là vấn đề trọng tâm trong toàn bộ công tác kế toán của các doanh nghiệp sản xuất nói chung, Nhà máy bia Dung Quất nói riêng.

Với đề tài “Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Nhà máy bia Dung Quất thuộc Công ty Cổ phần đường Quảng Ngãi” Luận văn đã tập trung giải quyết được các vấn đề sau:

1. Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về KTQT chi phí trong các doanh nghiệp, cụ thể: bản chất, nhiệm vụ, vai trò của kế toán quản trị chi phí... đặt tiền đề lý luận để đánh giá thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí tại nhà máy và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTQT chi phí tại nhà máy.

2. Phản ánh thực trạng công tác KTQT chi phí tại nhà máy và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trong việc tổ chức công tác KTQT chi phí tại nhà máy.

3. Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác KTQT chi phí tại nhà máy, kết hợp với lý luận cơ bản về KTQT chi phí, Luận văn đã đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác KTQT chi phí tại nhà máy như: Phân loại chi phí phục vụ yêu cầu của KTQT; thu thập thông tin phục vụ cho yêu cầu quản trị; dự toán chi phí linh hoạt nhằm mục đích tăng cường kiểm soát chi phí nội bộ; phân tích C – V – P để ra quyết định kinh doanh; kiểm soát chi phí thông qua phân tích các nhân tố lượng và giá để chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng, nâng cao tính hữu ích của thông tin kế toán phục vụ hoạt động quản trị doanh nghiệp và lập các báo cáo quản trị; xây dựng mô hình KTQT nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ hơn cho nhà quản lý của nhà máy.

Nhìn chung, luận văn đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của mục tiêu đề ra.